TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/DS-PT
Ngày 05 - 9 - 2018
V/v bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên .

Trong các ngày 20, 27 tháng 8, ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm: 1967.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh D, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp 6A, xã T.X, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Phi T - Văn phòng Luật sư C.T - Đoàn Luật sư tỉnh S.

Địa chỉ: Số 528, Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện T.N, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn M, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M.H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trang Thị Ngọc T, sinh năm: 1974.

Người đại diện hợp pháp chị T: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã M.H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Nguyễn Văn V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp 01, xã M.H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Văn S, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và người đại diện hợp pháp anh H là chị Ngô Thị Thanh D trình bày:

Vào năm 1982, anh H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Chất, diện tích 13.000m^2, vị trí đất có một bên tiếp giáp đất của cụ C là bà ngoại của anh, một bên tiếp giáp đất bà L, một đầu giáp đất còn lại của bà Ch (nay là anh D), một đầu giáp đất còn lại của bà Ch (nay là chị S), đất của cụ C có đường dẫn nước từ kênh sông Nguyễn Văn T đến kênh ngàn để sử dụng chung cho đất của cụ C và anh sử dụng đường nước này cho diện tích 13.000m^2.

Vụ lúa hè thu năm 2008, anh H xuống giống được khoảng 01 tháng, ngày 20/4/2008, anh Nguyễn Văn M không cho anh bơm nước vào ruộng làm lúa chết hoàn toàn. Nên anh Nguyễn Văn H yêu cầu anh Nguyễn Văn M bồi thường cho anh thiệt hại như sau :

Tiền xới 80.000đ x 13.000m^2 = 1.040.000 đồng.

Tiền phân 769.000đ x 13.000m^2 = 10.000.000 đồng.

Tiền thuốc 447.000đ x 13.000m^2 = 5.813.000 đồng.

Tiền lúa giống 275.000đ x 13.000m^2 = 3.575.000 đồng.

Tiền lợi nhuận 12.812.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 31.525.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về yêu cầu của anh H thì anh không đồng ý. Lý do nguồn gốc đất của bà Ngô Thị B là mẹ của anh và anh H cho anh vào năm 1989, hiện trạng là đất tràm, anh khai mỡ đất sử dụng lúa năm 1989 nhưng bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2012, bà B tách quyền sử dụng đất cho anh diện tích 6.857,9m^2, thửa 770, anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2012.

Đất anh H nhận chuyển nhượng của bà Ch có đường dẫn nước bên giáp đất bà L nhưng anh H đã lấp.

Năm 1989, anh M đào đường dẫn nước này chiều dài khoảng 60m thì chưa đến đất của anh H, đất của anh rồi đến đất của anh Nguyễn Văn S, là anh của anh thì anh S cũng đào đường dẫn nước, đất của anh S ngang với đất anh H.

Không nhớ năm, anh H lấp đường nước bên giáp đất bà L thì hỏi sử dụng chung đường dẫn nước với anh và anh S.

Anh không có ngăn cản việc anh H sử dụng nước nhưng có nói với anh H là anh sử dụng nước mà không bảo vệ đất của tôi thì tôi không cho anh bơm nước vô ra nữa thì anh đi về, sau đó anh H vẫn bơm nước vô ra và thu hoạch lúa bình thường.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trang Thị Ngọc T và người đại diện hợp pháp anh Nguyễn Văn M trình bày :

Chị T là vợ của anh M, chị thống nhất theo lời trình bày của anh M và chị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp hòa giải, xét xử vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày: 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 31.525.000 đồng.

Về án phí: Anh H phải nộp 1.576.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 788.000đồng theo biên lai số 02725 ngày 27/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Anh H phải nộp thêm 788.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/04/2018 anh H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu của anh H buộc anh Nguyễn Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 31.525.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh H, chị D; bị đơn anh M có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án. Người làm chứng có anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn S tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H, chị D trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp thêm người làm chứng là anh Nguyễn Văn V. Chị D không có yêu cầu gì trong vụ án; anh H cũng không có yêu cầu ai khác cùng

anh M bồi thường thiệt hại cho anh H. Do anh H phải sử dụng đường nước bơm từ kênh vào đất anh M qua đất anh S đến đất anh H để sử dụng. Năm 2008 anh M ngăn cản không cho anh sử dụng đường nước mà anh S không có ý kiến do lúc đó anh S cho anh M thuê đất canh tác. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp anh H trình bày đường nước là do bà C, anh H đào sử dụng từ những năm 1983. Sau này đường nước được sử dụng chung qua phần đất mỗi người đều có đập, ai sử dụng thì mở đập khai nước qua. Năm 2008 thì thủ tục tranh chấp ban đầu phải thông qua hòa giải tại chính quyền địa phương lập biên bản xong chuyển hồ sơ cho Tòa án. Chưa xác định được lời khai của ông H, ông H theo lời khai xác nhận với lời khai Tòa án thu thập thì lời khai nào là đúng. Hành vi ngăn cản không cho sử dụng nước là do mâu thuẫn tranh chấp đất mà xảy ra. Về chi phí nguyên đơn yêu cầu là hợp lệ nhưng về biên lai chứng từ không thể cung cấp được nên chỉ có thể được xác định bằng giá bình quân thôi. Nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh H đối với anh M.

Anh M trình bày anh không có hành vi ngăn cản, đe dọa không cho anh H sử dụng đường nước. Về chứng cứ thiệt hại không có thì anh không chấp nhận. Việc tranh chấp này không có liên quan đến ai khác, anh không có yêu cầu ai cùng có liên quan thêm trong vụ án. Anh không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu anh H.

Anh V trình bày mùa lúa hè thu năm 2008 anh đi làm thuê thì cách khoảng đất anh H, anh M khoảng 600-700m anh nghe anh H, anh M, ông L cùng một số người khác cải nhau; anh M có cầm con dao và anh biết là anh M không cho anh anh H bơm nước vào ruộng lúa.

Anh S xác định trước đến nay anh không có cho anh M thuê đất của anh canh tác; năm 2008 anh M không có ngăn cản anh H sử dụng đường nước canh tác đất và vụ hè thu năm 2008 anh H vẫn thu hoạch lúa bình thường.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về nội dung vụ án anh H yêu cầu bồi thường thiệt hại đất anh sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 255, tờ bản đồ số 9, diện tích 12.560m^2 nhưng theo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M

có văn bản xác nhận thuộc thửa 285, tờ bản đồ số 9, diện tích 12.500m^2, mục đích sử dụng lúa. Lý do cấp sai vị trí đất.

[2] Anh H yêu cầu anh M bồi thường cho anh số tiền thiệt hại thu hoạch lúa mùa hè thu năm 2008 là 31.525.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đất anh H thửa 285 nằm phía trong nên đất bị bao bọc xung quanh bởi đất chủ liền bên nên không có đường dẫn nước riêng để canh tác lúa. Anh H phải sử dụng đường nước bơm từ kênh vào đất anh M qua đất anh S đến đất anh H để sử dụng. Đến năm 2016 anh S lấp đường nước thì anh M ở đầu ngoài (tiếp giáp kênh ngàn) cũng lấp theo nên anh H sử dụng nước nhờ bên đất anh V. Mùa hè thu năm 2008 do tranh chấp đất, anh H trình bày anh M không cho anh sử dụng đặt máy bơm nước vào ruộng nên gây ra thiệt hại lúa cho anh H nên kiện yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại. Anh M trình bày anh H sử dụng đường nước nhưng không có bảo vệ làm ngập úng lúa anh M. Anh M thừa nhận chỉ dùng lời nói không cho anh H sử dụng đường nước nếu anh H không bảo vệ được nước vô ra cho ruộng anh M chứ anh M không có hành động đe dọa hay ngăn chặn liên tục.

[3] Tòa án sơ thẩm xác định anh H không có chứng cứ gì chứng minh anh M có hành động ngăn cản dẫn đến việc anh H không sử dụng được nước làm thiệt hại hoàn toàn lúa của anh H vụ hè thu năm 2008. Kết quả xác minh những người làm chứng sử dụng đất gần thửa đất số 285 thì không biết việc anh M ngăn cản; vụ lúa hè thu năm 2008 anh H có xuống giống lúa và lúa thu hoạch năng suất bình thường như những hộ khác. Do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H đối với anh M.

[4] Anh H không đồng ý kháng cáo bản án. Anh H cung cấp thêm chứng cứ xác nhận của anh Nguyễn Văn V và yêu cầu triệu tập người làm chứng trình bày tại phiên tòa. Xét kháng cáo của anh H, tại phiên tòa phúc thẩm anh H, chị D cũng thừa nhận xuống giống lúa 15 đến 20 ngày thì anh M ngăn cản không cho sử dụng nước. Ngay sau khi anh M ngăn cản thì anh H đã nộp đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp hòa giải yêu cầu anh M cho bơm nước nhưng không thành; anh H gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết. Lúc gửi đơn yêu cầu là chưa thu hoạch lúa nhưng tạm tính thiệt hại để yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Vụ án tranh chấp đất và chia thừa kế trước đây được Tòa án nhân dân huyện M đưa ra xét xử sơ thẩm theo bản án số 68/2009/DSST ngày 02/11/2009; anh H không đồng ý với bản án và có đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo bản án số 02/2011/DSPT ngày 04/01/2011. Đến ngày 11/6/2014 theo quyết định giám đốc thẩm số 243/2014/DS-GĐT của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án sơ thẩm, phúc thẩm giao hồ sơ vụ án tranh chấp đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất về Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện M kiểm tra hồ sơ được chuyển về còn thấy trong hồ sơ anh H có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Tòa án đã thụ lý thêm yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh H. Đồng thời để giải quyết nhanh yêu cầu sơ thẩm của đương sự nên Tòa án nhân dân huyện M đã tách vụ án bồi thường thiệt hại giải quyết riêng vụ án tranh chấp đất và chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quyết định tách vụ án số 01/QĐST-TA ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

[6] Qua kiểm tra lại trong hồ sơ giải quyết tranh chấp đất trước đây thì ngoài đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại được xác định để thụ lý vụ án tranh chấp này thì sau khi nộp đơn này anh H không có cung cấp thêm các chứng cứ chứng minh bị thiệt hại, các hóa đơn chứng từ chi phí sản xuất lúa mùa hè thu năm 2008 bị thiệt hại cũng như đơn yêu cầu để tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đến ngày 29/11/2008 anh H có thêm đơn yêu cầu Tòa án can thiệp để cho anh sử dụng đường nước xuống giống mùa đông xuân năm 2008-2009. Tòa án nhân dân huyện M có công văn số 93/CV.TA ngày 22/12/2008 đề nghị Ủy ban nhân dân xã T.X, Ban nhân dân ấp 6A, xã T.X hỗ trợ cho anh H được sử dụng đường nước xuống giống. Trong biên bản phiên tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M cũng như đơn kháng cáo của anh H và quá trình xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vụ án tranh chấp đất và chia thừa kế thì anh H không có trình bày về yêu cầu bồi thường thiệt hại, cũng không có khiếu nại về việc không được xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[7] Đối với người làm chứng như xác nhận của ông Trần Văn H cũng chỉ cung cấp thông tin Ban nhân dân ấp có hòa giải một lần khi anh M có ngăn cản anh H sử dụng đường nước; lúc này là chưa có thiệt hại xảy ra. Anh Lê Văn V trình bày mùa lúa hè thu năm 2008 anh đi làm thuê thì cách đất anh H, anh M khoảng 600-700m thì anh nghe và thấy anh H, anh M, ông L cùng một số người khác cải nhau; anh M có cầm con dao không cho anh H bơm nước vào ruộng lúa là không đúng thực tế vì khoảng cách xa như vậy anh V không thể nghe nhìn thấy rõ được sự việc; lời khai của anh V thì chị D cũng không thừa nhận vì anh V cho rằng lúc này anh H chưa xuống giống lúa, nhưng chị D xác định lúa lúc này đã xuống giống 15-20 ngày cho nên lời khai của anh V là không đúng thực tế. Anh S xác định trước đến nay anh không có cho anh M thuê đất của anh canh tác; vụ hè thu năm 2008 anh M không có ngăn cản anh H sử dụng đường nước canh tác đất và anh H vẫn thu hoạch lúa bình thường.

[8] Ngoài ra anh H không cung cấp được thêm chứng cứ chứng minh anh M dùng hành động ngăn cản không cho anh H sử dụng đường nước vào vụ hè thu năm 2008. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu anh H đối với anh M là có căn cứ và đúng quy định pháp luật .

[9] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H là có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của anh H. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo anh H không được chấp nhận giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn M bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 31.525.000 đồng.

5. Về án phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm : Anh Nguyễn Văn H phải nộp 1.576.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 788.000 đồng theo biên lai số 02725 ngày 27/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, anh H nộp thêm 788.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo đã nộp biên lai số 0002930 ngày 12/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Anh H không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nhân dân huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm